TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNCHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

Bảnán số:**461**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2020

V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Nguyễn Bền**

2.Bà **Phan Thị Quý**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Lê Hoàng Lan Ngọc**-Kiểm sát viên*

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/6/2020 về *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị L** sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp H xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn M** , sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có mặt, anh M vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh M chung sống vợ chồng vào năm 1996,không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M thường xuyên uống rượu, không lo gia đình, chửi bới xúc phạm Chị L. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn nên Chị L xin Tòa án giải quyết ly hôn với anh M. Về con chung anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ Q sinh năm 2002 đã trưởng thành. Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.Về nợ chung không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Văn M vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa, không có ý kiến yêu cầu trình bày đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị L và anh M quen biết sau đó tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1996, nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo Chị L trình bày là do anh M thường xuyên uống rượu, không lo gia đình, chửi bới xúc phạm Chị L và anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do thấy không còn tình cảm nên Chị L làm đơn xin ly hôn với anh M. Do Chị L và anh M chung sống vợ chồng từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên việc Chị L xin ly hôn với anh M được xem xét giải quyết theo quy định Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh M

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị L:

Tại phiên tòa, Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh M lý do giữa chị và anh M phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M thường xuyên uống rượu, không lo gia đình, chửi bới xúc phạm Chị L, anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay,giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn.Anh M trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án từ giai đoạn hòa giải cho đến khi xét xử đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của Chị L chứng tỏ anh M không còn tình cảm và không quan tâm đến Chị L, cũng không có ý kiến hay biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với Chị L, do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh M và Chị L là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Do Chị L và anh M chung sống vợ chồng từ năm 1996 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vi phạm Luật hôn nhân gia đình nên theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, khoản 4 Điều 3Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

Về con chung: Chị L và anh M có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Q sinh năm 2002 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị L xác định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án,đề nghị áp dụng các Điều 9,14,16 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận Chị L và anh M là vợ chồng, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết do không yêu cầu. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.
- Căn cứ khoản 4 Điều 3Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp

Xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị L đã nộp theo biên lai số 0002920 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như Chị L đã nộp xong án phí.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.